

Bản án số: 44/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16-7-2020

Về việc “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Văn Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đô

2. Bà Châu Thị Phương Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 150/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 255/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/6/2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Xuân N, sinh năm 1968 (có mặt)

Nơi cư trú: Khu phố A, phường B, Tp P, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Ông Trần Gia P, sinh năm 1972 (có mặt)

Nơi cư trú: Khu phố A, phường B, Tp P, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Xuân N và ông Trần Gia P tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau vào khoảng tháng 7 năm 1987 và đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn tại UBND phường B, Tp Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, đôi lúc cũng có cãi vã, bất đồng quan điểm nhưng vẫn hòa giải để sống chung. Khoảng 05 năm trở lại đây ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn hơn do bất đồng quan điểm, tính tình ông P có nhiều thay đổi, thường xuyên say xỉn, dẫn đến cãi vã, ông P nhiều lần đánh bà N; Ngày 14/4/2019 do không chịu được sự đánh đập của ông P nên bà N phải nhờ Công an phường B can thiệp. Chính vậy mà không khí gia đình luôn căng thẳng, tinh thần mệt mỏi, bà N cũng đã khuyên nhủ nhưng ông P vẫn không thay đổi nên ông bà đã ly thân cho đến nay, trong khoảng thời gian này mâu thuẫn vợ chồng vẫn không cải

thiện được và không thể hàn gắn. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Bà N khai giữ bà và ông P có 01 con chung tên Trần Thị Tú U, sinh năm 1988 đã trưởng thành và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Trần Gia P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà N chung sống với nhau vào khoảng tháng 7 năm 1987 nhưng đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn tại UBND phường B, Tp Phan Thiết. Quá trình chung sống vợ chồng vẫn bình thường, mặc dù vào khoảng năm 2005 do ông đau lưng không đi biển được; Đến khoảng năm 2018 ông bà mới phát sinh mâu thuẫn, lý do là khi nào rảnh cứ chiều chiều ông hay qua nhà hàng xóm nhậu và nói chuyện, thời gian đầu hai mẹ con bà N cũng qua chơi; Nhưng sau đó bà N cấm tuyệt đối không được qua chơi nữa, ông không đồng ý với chuyện đó nên mới xảy ra cãi vã. Sự việc tiếp diễn nhiều lần, đến năm 2019 ông vào Đồng Nai làm tết mới về, nhưng việc mâu thuẫn vợ chồng vẫn cứ tiếp diễn nên ông không qua hàng xóm nhậu nữa mà ở nhà nhậu một mình, mà bà N vẫn cứ cản nhắc. Hiện nay mặc dù vẫn chung sống một nhà nhưng do cứ mỗi lần nói chuyện lại mâu thuẫn nên ít nói chuyện với nhau. Trong đợt bệnh dịch vừa rồi vợ chồng không quan tâm đến nhau, bà N tự nấu cơm rồi bung tới nhà khác ăn, còn ông tự nấu ăn; Ngay cả gối ngủ cũng kêu ông tự mua mà nằm và kêu ông ở dơ (bẩn) nên ông tự đi kiếm việc làm.

Tại phiên tòa hôm nay ông P cho rằng do vấn đề tài sản chưa rõ ràng nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông P khai giữa ông và bà N có 01 con chung tên Trần Thị Tú U, sinh năm 1988 đã trưởng thành và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông P chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án đã được hòa giải và tại phiên hòa giải ngày 08/5/2020 ông P xác định không còn tình cảm với bà N nên đồng ý ly hôn và các bên đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án nên Tòa án đã lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành. Tuy nhiên đến ngày 15/5/2020 ông P thay đổi ý kiến chưa đồng ý ly hôn vì bà N không photo giấy tờ nhà đất cho ông nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử, xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Bà N được ly hôn với ông P; Về con chung: Ông P và bà N có 01 con chung tên Trần Thị Tú U, sinh năm 1988 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xét; Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông P chưa yêu cầu giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Xuân N yêu cầu ly hôn ông Trần Gia P. Bị đơn ông Trần Gia P cư trú tại Khu phố A, phường B, Tp P, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn” được quy định tại khoản 01 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Xuân N và ông Trần Gia P khai ông bà chung sống với nhau khoảng tháng 7 năm 1987, đến ngày 25/9/2009 mới đăng ký kết hôn theo Trích lục kết hôn số 02 ngày 16/01/2020 tại UBND phường B, Tp Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Như vậy ông P và bà N chung sống với nhau như vợ chồng sau ngày 03/01/1987 đến ngày 25/9/2009 mới đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân của ông P và bà N là hợp pháp kể từ ngày 25/9/2009.

Tại phiên tòa, bà N cho rằng vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên mới dẫn đến cãi vã, ông P nhiều lần đánh bà nên bà phải đề nghị địa phương can thiệp; Nay bà xác định mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không cải thiện được và không thể hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn. Ông P cho rằng vợ chồng cũng có nhiều mâu thuẫn nhưng do vấn đề tài sản chưa rõ ràng nên ông không đồng ý ly hôn.

Khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình*” và Điều 21 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ, chồng có nghĩa vụ tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau*”.

Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được*”.

Từ quy định được viện dẫn nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù ông P không đồng ý ly hôn với bà N và ông bà vẫn sống chung một nhà nhưng thực tế ông bà không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình và cũng không còn giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau. Tại phiên tòa cả hai bên đương sự đều không có thiện chí hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng; Đồng thời ông P chỉ cho rằng do vấn đề tài sản chưa rõ ràng nên mới không đồng ý ly hôn, chứng tỏ ông P cũng không còn tình cảm với bà N. Vì vậy bà N, ông P đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định Điều 19 và Điều 21 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Từ phân tích nêu trên cho thấy cuộc sống hôn nhân của ông P, bà N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đã thỏa mãn điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Ông P, bà N khai giữa ông bà có 01 con chung tên Trần Thị Tú U, sinh năm 1988 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N, ông P chưa yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Xuân N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp Phan Thiết tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, 21, 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân N.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Xuân N được ly hôn với ông Trần Gia P.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Trần Thị Tú U, sinh năm 1988 đã trưởng thành và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Xuân N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Bà Nguyễn Thị Xuân N đã nộp đủ án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005596 ngày 06/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Thị Xuân N, ông Trần Gia P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/7/2020).

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND Tp Phan Thiết;
- Chi cục THADS Tp Phan Thiết;
- Cơ quan đã thực hiện việc ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

QUÁCH VĂN HOÀNG